TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/HSST

Ngày: 25/02/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Vũ Thị Lệ Thủy**

+ Ông **Nguyễn Kim Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lành** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thanh Trà** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/HSST ngày 02 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-HS ngày 01/02/2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Tấn T.** Tên gọi khác: Tý.

- Sinh ngày: 16/4/1978 tại: Quảng Nam.
- Nơi cư trú: Tổ 48, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Buôn bán

- Trình độ học vấn: 09/12

- Con ông: Lê Tấn M (SN 1957), con bà: Trần Thị C (SN 1960). Gia đình có 03 người con. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

- Vợ: Lê Thị Mai S (SN 1986). Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01-1/LCCT-TA-ST ngày 02/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân quận S. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Trần Văn Q.** Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 23/11/1990 tại: Quảng Nam.

- Nơi cư trú: Tổ 72, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 10/12

- Nghề nghiệp: Công nhân

- Con ông: Trần B (Mất), con bà: Lê Thị Đ (1963). Gia đình bị cáo có 04 người con. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01-3/LCCT-TA-ST ngày 02/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân quận S. *Có mặt tại phiên tòa.*

3. Họ và tên: **Phạm Xuân Đ,** tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 09/1/1976 tại: Quảng Nam.

- Nơi cư trú: Tổ 73, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lái xe

- Trình độ học vấn: 09/12

- Con ông: Phạm Đ (Mất), con bà: Lê Thị T (mất). Gia đình bị cáo có 08 người con, bị cáo là con út trong gia đình.

- Vợ: Lê Thị Minh H (SN 1980). Bị cáo có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01-2/LCCT-TA-ST ngày 02/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân quận S. *Có mặt tại phiên tòa.*

4. Họ và tên: **Lê Minh T,** tên gọi khác: Nụi.

- Sinh ngày: 14/3/1989. Tại: Quảng Nam.

- Nơi cư trú: Tổ 38, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 10/12

- Nghề nghiệp: Lái xe

- Con ông: Lê B (Mất), con bà: Nguyễn Thị M (1956). Gia đình bị cáo có 08 người con. Bị cáo là con út trong gia đình.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01-4/LCCT-TA-ST ngày 02/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân quận S. *Có mặt tại phiên tòa.*

5. Họ và tên**: Lê Thị Minh D.** Tên gọi khác: Không

- Sinh ngày: 11/01/1984. Tại: Thừa Thiên Huế.

- Nơi cư trú: Tổ 75, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo.

- Trình độ học vấn: 12/12

- Nghề nghiệp: Buôn bán

- Con ông: Lê M (Mất), con bà: Võ Thị Q (Mất). Gia đình có 03 người con. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

- Chồng: Mai Thanh M (SN 1982). Bị cáo có 03 người con. Con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01-5/LCCT-TA-ST ngày 02/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân quận S. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 ngày 08/10/2018, Lê Tấn T, Phạm Xuân Đ, Trần Văn Q, Lê Minh T và một thanh niên thanh niên tên Hùng Đen (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến nhà Lê Thị Minh D tại tổ 75, phường T, quận S để đánh bạc và được D đồng ý. Sau đó, D lấy 01 cái mền trải dưới nền nhà và mua 07 bộ bài tây cho các đối tượng đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài "Cào tố" với "tiền nước" 20.000 đồng và số tiền có thể tố thêm tối đa 200.000 đồng. Đánh đến 14 giờ cùng ngày thì Hùng Đen nghỉ chơi ra về. Sau đó, Lê Tấn T, Phạm Xuân Đ, Trần Văn Q, Lê Minh T tiếp tục đánh bạc đến 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an phường T kiểm tra và phát hiện tạm giữ tang vật.

Trong quá trình các đối tượng này đánh bạc thì các con bạc có nộp tiền xâu cho D. Số tiền xâu thu được thì D trích một phần để mua bài và mua nước phục vụ các con bạc, còn lại D thu lợi. Mỗi ván, nếu tổng số tiền các đối tượng đánh 200.000 đồng thì nộp tiền xâu cho D 10.000 đồng. Lúc bị cơ quan công an đến bắt, D đã thu được 150.000 đồng tiền xâu và D đã mua nước và trả tiền mua bài hết 120.000 đồng, còn lại 30.000 đồng D thu lợi cá nhân.

*** Tang vật tạm giữ:**

- 07 bộ bài tây 52, trong đó có 01 bộ bài đã qua sử dụng.
- 01 chiếc mền màu đà nâu kích thước 120x150cm.
- Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.950.000 đồng. Trong đó:
    + Số tiền của Thành: 80.000 đồng
    + Số tiền của Được: 880.000 đồng
    + Số tiền của Quý: 510.000 đồng
    + Số tiền của T1: 420.000 đồng
    + Số tiền giữa chiếu bạc chưa xác định được: 60.000 đồng

- Thu trên người con bạc:

+ Lê Tấn T: Số tiền 500.000 đồng;

+ Trần Văn Q: Số tiền 2.400.000 đồng; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J7 màu xanh, số imei 356446086739724

+ Lê Minh T: Số tiền 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, số imei 355376084774574.

+ Phạm Xuân Đ: Số tiền 3.210.000 đồng.

- Lê Thị Minh D đã nộp lại số tiền đã thu xâu: 30.000 đồng.

Qua điều tra các bị can khai nhận như sau:

- Lê Tấn T mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, đã thắng được 80.000 đồng.

- Phạm Xuân Đ mang theo 2.800.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, đã thắng 1.290.000 đồng.

- Trần Văn Q mang theo và sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc, thắng được 1.510.000 đồng.

- Lê Minh T mang theo theo 7.500.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, đã thua hết 80.000 đồng.

Đối với con bạc tên Hùng Đen hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở xác định Hùng Đen mang theo và sử dụng bao nhiêu tiền vào mục đích đánh bạc. Nhưng căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định tổng số tiền các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc là: **6.210.000** đồng (trong đó bao gồm: **6.000.000** đồng là tiền các con bạc sử dụng vào mục đích đánh bạc + **60.000** đồng là tiền thu tại chiếu bạc nhưng chưa xác định là của con bạc nào + **150.000** đồng là tiền D thu xâu)

Hình thức đánh bài "Cào tố" được các đối tượng thỏa thuận như sau:

Các đối tượng sử dụng bộ bài Tú lơ khơ 52 lá để chơi. Cá lá bài từ A đến 10 được tính tương ứng từ 01 đến 10. Các lá bài J, Q, K được tính là 10 điểm. Mỗi ván mỗi người đặt ra giữa chiếu bạc 20.000 đồng gọi là "Tiền mười". Sau đó dùng bộ bài tây phát người 03 lá, lá đầu tiên lật ngửa, hai lá sau úp. Sau khi phát bài, người chơi xem điểm bài của mình rồi bắt đầu "Tố". Người nào có lá bài

ngửa lớn nhất có quyền "Tố" trước, "Tố" tối đa 200.000 đồng. Những người khác nếu theo thì bỏ thêm số tiền bằng với người "Tố", nếu không theo (gọi là bỏ bài) thì thua "Tiền nước". Sau đó, đem so điểm các nhà với nhau (trừ nhà bỏ bài), ai lớn điểm hơn thì thắng và lấy hết số tiền đánh ván đó. Lớn nhất của hình thức tính này gọi là "Cù" (có ba lá giống nhau). Tiếp theo là "03 tiên" và sau đó là từ 09 điểm trở xuống. Trong quá trình chơi có bỏ xâu cho chủ nhà mỗi lần bỏ xâu từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng. Số tiền ván bài thắng cao nhất là 880.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo T, Đ, T1 đều khai nhận: Bị cáo T là người rủ rê bị cáo Đ và T1 tham gia chơi đánh bạc.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 02/01/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Tấn T, Phạm Xuân Đ, Trần Văn Q, Lê Minh T, Lê Thị Minh D phạm tội "***Đánh bạc***" đồng thời đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Tấn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo T từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Q từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Đ từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo T1 từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Minh D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo D từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu huỷ 07 bộ bài tây 52, trong đó có 01 bộ bài đã qua sử dụng; 01 chiếc mền màu đà nâu kích thước 120x150cm.

- Tịch thu sung công quỹ số tiền 6.090.000 đồng (bao gồm của bị cáo T : 580.000 đồng, bị cáo Đ: 2.090.000 đồng; Quý: 2.910.000 đồng; T1: 420.000 đồng; D: 30.000 đồng; 60.000 đồng không xác định của ai).

- Tiếp tục tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh, số imei 356446086739724 của bị cáo Q và 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, số imei 355376084774574 của bị cáo T1; số tiền 9.000.000 đồng (trong đó thu giữ của Được: 2.000.000 đồng và của T1 : 7.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Lê Tấn T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Minh T, Lê Thị Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Khoảng 13 giờ đến 15 giờ ngày 08/10/2018, tại nhà của Lê Thị Minh D (Thuộc: Tổ 75, phường T quận S, TP. Đà Nẵng) Lê Tấn T, Phạm Xuân Đ, Trần Văn Q, Lê Minh T đánh bạc thắng thua bằng tiền mặt dưới hình thức chơi bài "Cào tố" và có nộp tiền xâu cho D. Với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là **6.210.000 đồng** thì bị Công an phường T, quận S kiểm tra và phát hiện tạm giữ tang vật.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo thấy phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cở sở xác định hành vi của các bị cáo Lê Tấn T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Minh T, đã phạm tội "Đánh bạc"quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo D tuy không tham gia đánh bạc nhưng cho mượn địa điểm và thu tiền xâu để thu lợi bất chính nên cần áp dụng tinh thần của Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để xử lý trách nhiệm hình sự bị cáo D về đồng phạm tội đánh bạc. Do vậy, bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 02/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận S đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thì thấy: Các bị cáo nhận thức đánh bạc được thua bằng tiền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là việc làm trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội nhưng do coi thường pháp luật, muốn có tiền dễ dàng bằng cách thu lợi bất chính nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự trị an của địa phương, tạo nên tệ nạn cờ bạc. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc mới tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, Lê Tấn T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo Đ, T1 chơi đánh bạc nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại là phù hợp. Các bị cáo Q, T1, Được hưởng ứng và tham gia

tích cực nên phải chịu mức hình phạt ngang nhau. Đối với bị cáo D tuy không tham gia đánh bạc nhưng cho mượn địa điểm và thu tiền xâu để thu lợi bất chính nên vai trò đồng phạm tội đánh bạc của bị cáo là rất rõ. Tuy nhiên, căn cứ vào mức độ phạm tội của bị cáo D, HĐXX xem xét cho bị cáo D được hưởng mức hình phạt thấp hơn các bị cáo trên là phù hợp.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo T, Q, Đ, T1, D đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, các bị cáo Lê Tấn T, Lê Minh T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Thị Minh D có thái độ khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Phạm Xuân Đ có cha là ông Phạm Đề là người có công cách mạng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Đ.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, Q, Đ, T1, D đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện tại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng điều 65 BLHS cho các bị cáo Đ hưởng án treo, giao các bị cáo cho UBND cấp xã nơi các bị cáo đang cư trú để tiếp tục giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

[6] Về hình phạt bổ sung: Nhằm để răn đe triệt để các bị cáo, có tác dụng giáo dục trong việc loại bỏ tệ nạn cờ bạc, Hội đồng xét xử cần vận dụng thêm khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo Lê Tấn T, Lê Minh T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Thị Minh D từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu lợi từ việc đánh bạc là khoản thu lợi bất chính, HĐXX cần áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách

nhà nước số tiền 6.090.000 đồng (bao gồm của bị cáo T : 580.000 đồng, bị cáo Đ: 2.090.000 đồng; Quý: 2.910.000 đồng; T1: 420.000 đồng; D: 30.000 đồng; 60.000 đồng không xác định của ai).

- Số tiền 9.000.000 đồng (trong đó của Được: 2.000.000 đồng và của T1: 7.000.000 đồng) thu giữ trên người của các bị cáo Đ, T1 không dùng vào việc đánh bạc, HĐXX tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh, số imei 356446086739724 của bị cáo Q và 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen, số imei 355376084774574 của bị cáo T1 để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 07 bộ bài tây 52, trong đó có 01 bộ bài đã qua sử dụng; 01 chiếc mền màu đà nâu kích thước 120x150cm, HĐXX xác định đây là phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận S , thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2019).

Đối với người thanh niên tên Hùng Đen hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT công an quận S tách ra xử lý sau là phù hợp.

Từ những nhận định trên cho thấy đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tại phiên tòa về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với quan điểm xử lý vụ án của Hội đồng xét xử.

Án phí HSST: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các Lê Tấn T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Minh T, Lê Thị Minh D phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Tấn T**: **12 (mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24 (hai mươi bốn) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/02/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo T **15.000.000đ** (mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Văn Q**: **09 (chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18 (mười tám) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/02/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo Q **10.000.000đ** (mười triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân Đ: **09 (chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18 (mười tám) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/02/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo Đ **10.000.000đ** (mười triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh T: **09 (chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **18 (mười tám) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/02/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo T1 **10.000.000đ** (mười triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Minh D: **06 (sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **12 (mười hai)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/02/2019).

Phạt bổ sung đối với bị cáo D **10.000.000đ** (mười triệu đồng).

Tuyên giao các bị cáo Lê Tấn T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Minh T, Lê Thị Minh D về UBND phường T, quận S, Tp Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Lê Tấn T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Minh T, Lê Thị Minh D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền **6.090.000 đồng** (bao gồm của bị cáo T : 580.000 đồng, bị cáo Đ: 2.090.000 đồng; Quý: 2.910.000 đồng; T1: 420.000 đồng; D: 30.000 đồng; 60.000 đồng không xác định của ai).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền số tiền **9.000.000 đồng** (trong đó của Được: 2.000.000 đồng và của T1: 7.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh, số imei 356446086739724 của bị cáo Q và 01 (Một) điện thoại di động Iphone 7 màu đen, số imei 355376084774574 của bị cáo T1 để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 07 bộ bài tây 52, trong đó có 01 bộ bài đã qua sử dụng; 01 chiếc mền màu đà nâu kích thước 120x150cm.

(Các vật chứng, tài sản trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận S đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/01/2019).

3. Án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Tấn T, Trần Văn Q, Phạm Xuân Đ, Lê Minh T, Lê Thị Minh D mỗi người phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích án treo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;

- Công an quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

NGUYỄN THỊ TRÂM